TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 146/2018/DS-ST.
Ngày: 23-5-2019.
V/v tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán* – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Phương.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Huỳnh Ngọc Sơn;
Ông Nguyễn Văn Sơn.

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Ông Nguyễn Minh Khôi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 120/2019/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 771/2019/QĐST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2019/QĐST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Thành L, sinh năm 1957 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

Nơi cư trú: 150/4 ấp TB, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Nơi cư trú: 164/2 ấp TH, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1958 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

Nơi cư trú: 150/4 ấp TB, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lê Thành L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nhưng theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2019, bản tự khai ngày 22/3/2019 và trong quá trình tố tụng ông L trình bày:

Vào ngày 30/12/2018, ông có cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền 210.000.000đ (Hai trăm mười triệu đồng), thời hạn vay là 10 ngày, không tính lãi; mục đích vay để đáo hạn ngân hàng. Bà T có làm biên nhận đã nhận số tiền nêu trên vào ngày

30/12/2018. Đến nay đã quá thời hạn mà bà T chưa hoàn trả cho ông và bà Thinh số tiền nêu trên. Nay ông yêu cầu bà T trả nợ cho ông số tiền đã vay là 210.000.000đ (Hai trăm mười triệu đồng), trả 01 lần dứt nợ, không yêu cầu tính lãi.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nhưng theo nội dung bản tự khai ngày 22/3/2019 bà Thinh trình bày: Bà thống nhất lời trình bày và các yêu cầu của ông L, bà không có ý kiến bổ sung.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T vắng mặt không lý do nhưng tại nội dung bản tự khai ngày 04/3/2019, bà T trình bày:

Vào ngày 31/5/2018, bà có vay của ông Lê Thành L nhiều lần, tiền lãi tương ứng 1.000.000đ là 3.000đ/ngày. Sau khi chốt nợ lần cuối, số tiền bà còn nợ ông L là 210.000.000đ (Hai trăm mười triệu đồng), thời hạn đến ngày 10/01/2019 thì trả lại cho ông L; Khi vay tiền, bà có làm biên nhận đã nhận số tiền 210.000.000đ vào ngày 30/12/2018. Đến nay đã quá thời hạn mà bà chưa hoàn trả cho ông L số tiền 210.000.000đ do hoàn cảnh bà khó khăn. Nay ông L khởi kiện yêu cầu bà trả nợ thì bà đồng ý trả nợ theo yêu cầu của ông L, nhưng bà chưa đủ khả năng trả nợ. Bà yêu cầu đến ngày 07/6/2019 bà sẽ trả số tiền vốn là 142.000.000đ (Một trăm bốn mươi hai triệu đồng) và số tiền lãi là 68.000.000đ, tổng cộng là 210.000.000đ và không tính lãi tiếp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Lê Thành L tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" với bị đơn bà Nguyễn Thị T theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Thành L, bà Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Nguyễn Thị T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông L, bà Thinh và bà T.

[3] Hợp đồng vay tài sản giữa ông Lê Thành L và bà Nguyễn Thị T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên hợp đồng vay tài sản này hợp pháp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của ông L, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị T vắng mặt nhưng theo nội dung bản tự khai ngày

04/3/2019, bà T đồng ý trả số tiền 210.000.000đ (Hai trăm mười triệu đồng) vào ngày 07/6/2019. Điều này phù hợp với số tiền mà ông L đã yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thành L phù hợp theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[5] Xét việc đóng lãi của bà Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà T trình bày từ ngày 31/5/2018, bà đã nhiều lần vay tiền của ông L; trong các lần vay bà đã trả nợ và vay lại, bà đóng lãi một ngày 3.000đ/1.000.000đ. Ngày 30/12/2018, bà T đã ký xác nhận nợ với số tiền 210.000.000đ; trong đó, số tiền nợ gốc là 142.000.000đ, tiền lãi là 68.000.000đ; bà đồng ý trả 210.000.000đ cho ông L.

Lời trình bày của bà T đã đóng lãi cho ông L 3.000đ/1.000.000đ, việc này không được ông L thừa nhận; bà T cũng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh lời trình bày của bà. Ngoài ra, bà T cũng không có yêu cầu phản tố về việc xem xét đối với tiền lãi mà bà đã đóng cho ông L. Việc bà T đã ký xác nhận nợ ngày 30/12/2018 với số tiền còn nợ là 210.000.000đ. Bà cam kết trả nợ cho ông L vào ngày 07/6/2019 là tự nguyên nên yêu cầu khởi kiện của ông L là có cơ sở nên buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T trả số tiền còn nợ là 210.000.000đ cho ông L là đúng quy định của pháp luật.

[7] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thành L. Buộc bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả cho ông Lê Thành L số tiền là 210.000.000đ (Hai trăm mười triệu đồng);

Kể từ ngày Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày

có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ nộp số tiền 10.500.000đ (Mười triệu năm trăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đương sự có mặt tại tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại Tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Văn Phương